

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; ☒ Giảng viên thỉnh giảng ☐
Ngành: Kinh tế; Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

- Họ và tên người đăng ký: CẢNH CHÍ HOÀNG
- Ngày tháng năm sinh: 05-03-1977; Nam; ☒ Nữ ; ☐ Quốc tịch: Việt Nam;
Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không
- Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒
- Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Tân Hội, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): C01/6 chung cư Gia Phúc, Khu phố 5, phường Linh Chiểu, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.
- Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): C6/2 chung cư Gia Phúc, Khu phố 5, phường Linh Chiểu, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.
Điện thoại nhà riêng: Điện thoại di động: 0908807899
E-mail: canhchihoang@gmail.com hoặc hoangcc@hub.edu.vn
- Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):
Từ 6/2007 đến tháng 8/2011: Giảng viên khoa Quản trị kinh doanh, Trường Cao đẳng Tài chính – Hải quan.

Từ tháng 5/2012 đến 01/2018: Giảng viên bộ môn Quản trị cơ sở, khoa Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Tài chính – Marketing.

Từ tháng 02/2018 đến 02/2023: Trưởng bộ môn Quản trị cơ sở, Khoa Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Tài chính – Marketing.

Từ 3/2023 đến nay: Giảng viên bộ môn Quản trị, khoa Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh.

Chức vụ: Hiện nay: Không; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng bộ môn

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cơ quan: 36 Tôn Thất Đạm, Phường Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại cơ quan: (028) 38 291901

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 28 tháng 06 năm 2001; số văn bằng: B0324943; ngành: Quản trị kinh doanh, chuyên ngành: Quản trị nhân lực; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Công đoàn, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 29 tháng 12 năm 2011; số văn bằng: 0601010; ngành: Kinh tế; chuyên ngành: Kinh tế chính trị; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 10 tháng 02 năm 2015; số văn bằng: 003923; ngành: Kinh tế học; chuyên ngành: Kinh tế chính trị; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 11 tháng 11 năm 2022; số văn bằng: HT 001390; ngành: Quản trị kinh doanh; chuyên ngành: Quản trị kinh doanh; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước): Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Kinh tế

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

(a) Hướng nghiên cứu 1: Nghiên cứu về nhân lực và tăng trưởng kinh tế

- *Bài báo và báo cáo khoa học:*

+ Số lượng: **36**

+ Số thứ tự trong Mẫu 1, Mục B: [1], [2], [3], [4], [5], [6], [7], [8], [9], [10], [11], [12], [13], [14], [15], [16], [17], [18], [19], [20], [21], [22], [23], [24], [25], [26], [27], [28], [29], [30], [31], [48], [49], [50], [58], [59].

Trong đó, bài báo quốc tế uy tín là tác giả chính:

+ Số lượng: **02**

+ Số thứ tự Mẫu 1, Mục B: [48], [49].

(b) Hướng nghiên cứu 2: Nghiên cứu về hành vi trong kinh doanh

- *Hướng dẫn cao học:*

+ Số lượng: **05**

+ Số thứ tự Mẫu 1, Mục B: [1], [2], [3], [4], [5].

- *Sách phục vụ đào tạo:*

+ Số lượng: **02**

+ Số thứ tự Mẫu 1, Mục B: [1], [2].

- *Đề tài khoa học các cấp:*

+ Số lượng: **03**

+ Số thứ tự Mẫu 1, Mục B: [1], [2], [3].

- *Bài báo và báo cáo khoa học:*

+ Số lượng: **24**

+ Số thứ tự trong Mẫu 1, Mục B: [32], [33], [34], [35], [36], [37], [38], [39], [40], [41], [42], [43], [44], [45], [46], [47], [51], [52], [53], [54], [55], [56], [57], [60].

Trong đó, bài báo quốc tế uy tín là tác giả chính và tác giả liên hệ:

+ Số lượng: **04**

+ Số thứ tự Mẫu 1, Mục B: [52], [54], [55], [57].

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn **00** NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn **05** HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS.

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: **03** đề tài.

- Đã công bố (số lượng) **60** bài báo khoa học, trong đó: **09** bài trước khi nhận học vị Tiến sĩ và **51** bài sau khi nhận học vị Tiến sĩ; **10** bài báo công bố trong các tạp chí khoa học quốc tế, trong đó có **06** bài đăng trong các tạp chí khoa học quốc tế có uy tín (Scopus) và **03** bài báo công bố trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học trong nước và quốc tế.
- Số lượng sách đã xuất bản **02**, trong đó: chủ biên **01** sách chuyên khảo; chủ biên **01** giáo trình.
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu)

- Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm 2017 (QĐ số 111/QĐ-ĐHTCM ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)
- Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm 2020 (QĐ số 260/QĐ-ĐHTCM ngày 30 tháng 01 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)
- Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm 2021 (QĐ số 239/QĐ-ĐHTCM ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)
- Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm 2022 (QĐ số 105/QĐ-ĐHTCM ngày 27 tháng 01 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)
- Giấy khen hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học Trường Đại học Tài chính – Marketing năm 2016.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Trong hơn 12 năm với vị trí là một giảng viên đại học, tôi luôn cố gắng tu dưỡng phẩm chất đạo đức, nỗ lực hoàn thiện và nâng cao trình độ chuyên môn, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ về giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Tôi đảm bảo đầy đủ các tiêu chuẩn của nhà giáo theo quy định tại Điều 67 và luôn thực hiện tốt các nhiệm vụ của nhà giáo theo quy định tại Điều 69, Luật Giáo dục ban hành ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- *Về phẩm chất đạo đức:* Tôi luôn nỗ lực rèn luyện nâng cao phẩm chất đạo đức và giữ vững lập trường tư tưởng của nhà giáo. Tôi luôn giữ gìn uy tín và nêu gương tốt cho người học, tôn trọng và bảo vệ quyền lợi chính đáng cho người học. Tôi luôn chấp hành tốt các quy định của đơn vị công tác; thực hiện đúng các chủ chương, chính sách của Nhà nước, của pháp luật. Tôi luôn giữ gìn phẩm chất, tác phong của người giảng viên, đảng viên; có lối sống vui vẻ, hòa đồng với đồng nghiệp và cư xử đúng mực với người học.

- Về nhiệm vụ giảng dạy: Tôi không ngừng học hỏi, trau dồi khiến thức nhằm nâng cao kỹ năng và phương pháp giảng dạy. Tôi tham gia giảng dạy ở trình độ đại học và sau đại học theo sự phân công của Trường. Đồng thời tôi cũng tham gia hướng dẫn khóa luận, luận văn và luận án tiến sĩ, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và có trách nhiệm cao.

- Về nhiệm vụ nghiên cứu khoa học: Tôi dành nhiều thời gian nghiên cứu khoa học như viết báo, bài giảng, giáo trình và đề tài... nhiều năm liền vượt định mức giờ nghiên cứu khoa học. Tôi cũng tích cực tham gia hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học và đạt thành tích cao, được nhà trường khen thưởng.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 12 năm 01 tháng (tính đến 30/6/2024).

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2018-2019			02		135	30	165/274.5/216
2	2019-2020					90	90	180/315/216
3	2020- 2021			02		315	45	360/616.5/216
03 năm học cuối								
4	2021- 2022					180	45	225/387/243
5	2022-2023			01		270	45	315/468/243
6	2023-2024					270	-	270/405/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

☐ ☐ ☐
- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☒

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Đại học Đà Nẵng số bằng: 0016625; năm cấp: 07/01/2005.

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Cử nhân tiếng Anh

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NC S	HVCH /CK2/BSNT	Chính h	Phụ			
1	Lê Quốc Khang		HVCH	X		2018-2019	Trường Đại học Tài chính –	23/9/2019; Quyết định Số 1995/QĐ-ĐHTCM-SĐH

							Marketing	ngày 23/9/2019.
2	Lê Văn Tâm		HVCH	X		2018-2019	Trường Đại học Tài chính – Marketing	23/9/2019; Quyết định Số 1995/QĐ-ĐHTCM-SĐH ngày 23/9/2019.
3	Nguyễn Thị Kỳ		HVCH	X		2020-2021	Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh	05/01/2021; Quyết định Số 3068/QĐ-ĐHNH ngày 31/12/2020.
4	Nhan Phương Thái		HVCH	X		2020-2021	Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh	05/01/2021; Quyết định Số 3068/QĐ-ĐHNH ngày 31/12/2020
5	Phạm Thị Kim Loan		HVCH	X		2022-2023	Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh	17/04/2023; Quyết định Số 799/QĐ-ĐHNH ngày 06/4/2023

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận Tiến sĩ						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận Tiến sĩ						

1	Động lực nghiên cứu khoa học của giảng viên đại học: Nghiên cứu các trường khối kinh tế ở Việt Nam	CK	Nxb Khoa học xã hội, 2023/ISBN:978-604-364-393-0	01	Chủ biên	Toàn bộ	Giấy xác nhận số 02/GXN-ĐHHV ngày 26 tháng 02 năm 2024
2	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	GT	Nxb Khoa học xã hội, 2023/ISBN:978-604-364-818-8	06	Chủ biên	(19 - 48; 69 - 86; 105- 121)	Giấy xác nhận số 03/GXN-ĐHHV ngày 26 tháng 02 năm 2024

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/ PCN / TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận Tiến sĩ				
1					
2					
...					
II	Sau khi được công nhận Tiến sĩ				
1	Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên các trường đại học tại thành phố Hồ Chí Minh	CN	Cấp Trường Mã số: CS-39-20 (QĐ 2699/QĐ-ĐHTCM ngày 22/12/2020)	01/0120 21 đến 31/12/2021	Biên bản Nghiệm thu ngày 23/7/2021. Xếp loại: Khá
2	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng		Cấp Trường Mã		Số 594/QĐ-

	đến ý định chia sẻ tri thức của giảng viên đại học: Trường hợp các trường đại học tại thành phố Hồ Chí Minh	CN	số: CT -2306-183 (QĐ số 1844/QĐ-ĐHNH ngày 26/6/2023)	6/2023 đến 6/2024	ĐHNH ngày 12/03/2024. Xếp loại: Xuất sắc
3	Tác động của phong cách lãnh đạo đến kết quả nhiệm vụ được giao của nhân viên các ngân hàng thương mại cổ phần trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	CN	Cấp Trường Mã số: CT-2401-233 (QĐ số 116/QĐ-ĐHNH ngày 10/01/2024)	01/2024 đến 01/2025	Số 1547/QĐ-ĐHNH ngày 27/5/2024. Xếp loại: Giỏi

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	TRƯỚC KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN TIỀN SĨ							
1.1	Hướng nghiên cứu 1: Nghiên cứu về nhân lực và tăng trưởng kinh tế							
1	Phát triển nguồn nhân lực cho các khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai	1	X	Phát triển và Hội nhập ISSN: 1859-428X		1	Số 4 (14) 42-45	5-6/2012
2	Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực ở một số	2	X	Nghiên cứu Tài chính – Marketing			Số 16 (Số 32)	6/2013

	nước và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam			ISSN: 1859-3690			bộ cũ), tr. 60-70	
3	Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức	1	X	Khoa học Chính trị ISSN: 1859-0187			Số 5; 64-80	5/2013
4	Nâng cao chất lượng nhân lực trong các khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai	2	X	Kinh tế và Dự báo ISSN: 0866-7120			Số 18 (554); 51-53	9/2013
5	Thành phố Hồ Chí Minh: Giải pháp phát triển nguồn nhân lực trong các bệnh viên công	2	X	Kinh tế và Dự báo ISSN: 0866-7120			Số 21; 61-63	11/2013
6	Khu công nghiệp với sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai	1	X	Kinh tế và Dự báo ISSN: 0866-7120			Số 23; 63-65	12/2013
7	Nâng cao đời sống của người lao động trong các khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai	1	X	Kinh tế và Dự báo ISSN: 0866-7120			Số 04; 53-55	02/2014
8	Vấn đề quản lý lao động nước ngoài ở Việt Nam hiện nay	2		Nghiên cứu Tài chính Marketing ISSN: 1859-3690			Số 22; 43-46	6/2014
9	Phát triển lực lượng cao động công nghiệp tỉnh Đồng Nai trong hội nhập quốc tế	1	X	Kinh tế - Kỹ thuật ISSN: 0866-7802			Số 08; 101-109	12/2014
1.2	Hướng nghiên cứu 2: Nghiên cứu về hành vi trong kinh doanh							
II	SAU KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN TIẾN SĨ							

A	Các bài báo đăng trên tạp chí trong nước							
A1	<i>Hướng nghiên cứu 1: Nghiên cứu về nhân lực và tăng trưởng kinh tế</i>							
10	Đề nông nghiệp tỉnh Gia Lai phát triển nhanh và bền vững	2		Kinh tế và Dự báo ISSN: 0866-7120			Số 15; 57-59	08/2015
11	Lâm Đồng phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững	2	X	Con số và Sự kiện ISSN: 0866-7322			Số 10; 43-45	10/2015
12	Thị trường nội địa Việt Nam: Tiềm lực và chính sách phát triển	2	X	Phát triển và Hội nhập ISSN: 1859-428X			Số 25 (35)	11- 12/2015
13	Giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Quảng Ninh	1	X	Kinh tế và Dự báo ISSN: 0866-7120			Số 27; 56-58	11/2016
14	Chính sách tiền tệ linh hoạt, ổn định kinh tế vĩ mô	1	X	Nghiên cứu Tài chính – Marketing ISSN: 1859-3690			Số 37&38 ;	01/2017
15	Bình Dương phát triển nguồn nhân lực, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội	1	X	Kinh tế và Dự báo ISSN: 0866-7120			Số 04; 59-61	02/2017
16	Phát triển nguồn nhân lực Vùng Đồng bằng Sông Cửu Long	2	X	Con số và Sự kiện ISSN: 0866-7322			27-29	9/2017
17	Hiệu quả điều hành của Chính phủ, kiểm soát tham nhũng và thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài: Bằng chứng thực nghiệm từ các nước ASEAN	2	X	Kinh tế và Phát triển ISSN: 0859-0012			Số 251; 83-91	05/2018
18	Vấn đề phát triển chất lượng nguồn nhân lực Việt	2	X	Tài chính ISSN: 2615-8973			Kỳ 2 (727);	4/2020

	Nam hiện nay						56-58	
19	Tác động của kinh tế ngầm đến kinh tế chính thức ở Việt Nam	1	X	Nghiên cứu Kinh tế ISSN: 0866-7489			Số 7 (506) 26-35	7/2020
20	Đào tạo nghề đáp ứng cuộc cách mạng công nghiệp 4.0	1	X	Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương ISSN: 0868-3808			Số 580; 4-6	01/2021
21	Hội nhập kinh tế có thực sự làm giảm ô nhiễm không khí ở Việt Nam?	2		Nghiên cứu Kinh tế ISSN: 0866-7489			Số 9 (520); 51-64	9/2021
22	Phát triển nông nghiệp có thực sự cải thiện ô nhiễm môi trường ở Việt Nam	2	X	Nghiên cứu Kinh tế ISSN: 0866-7489			Số 4 (515); 61-70	4/2021
23	Phát triển nguồn nhân lực trong chuyển đổi số	2	X	Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương ISSN: 0868-3808			Số cuối tháng; 131- 133	4/2022
24	Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài tới thay đổi cơ cấu ngành kinh tế tại vùng Đồng bằng Sông Hồng	2		Kinh tế và Phát triển ISSN: 0859-0012			Số 303 (2); 32-39	9/2022
25	Tác động của chỉ số năng lực cạnh tranh (CPI) lên thu hút doanh nghiệp: Nghiên cứu trường hợp vùng Đồng bằng Sông Cửu Long giai đoạn 2006-2020	2		Kinh tế và Phát triển ISSN: 0859-0012			Số 309; 53-63	3/2023
26	Đẩy mạnh thu hút vốn FDI chất lượng cao vào TP.Hồ	1	X	Tài chính			Kỳ 2 (799);	4/2023

	Chí Minh			ISSN: 2615-8973			201-203	
27	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam: Lãng kính hành vi về sự tham gia của người dân	2		Kinh tế và Phát triển ISSN: 1859-0012			Số 316; 2-12	10/2023
28	Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở Việt Nam hiện nay	1	X	Tạp chí Kinh tế và Dự báo ISSN: 1859-4972			Số 31; 46-49	11/2023
29	Giải pháp nâng cao năng suất lao động ở Việt Nam	2	X	Tài chính ISSN: 2615-8973			Số 814; 49-52	Kỳ 1, 12/2023
30	Tác động của kiểm soát nội bộ đến năng suất của các doanh nghiệp tư nhân ở Việt Nam	3		Kinh tế và Phát triển ISSN: 0859-0012			Số 320; 13-20	02/2024
31	Lâm Đồng đẩy mạnh thu hút FDI vào nông nghiệp	1	X	Tạp chí Con số và Sự kiện ISSN: 2734-9136			Số 663, kỳ I, 31-33	02/2024
A2	Hướng nghiên cứu 2: Nghiên cứu về hành vi trong kinh doanh							
32	Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư bất động sản tại TP. Hồ Chí Minh	2	X	Kinh tế và Dự báo ISSN: 0866-7120			Số 08;90-92	04/2015
33	Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi chia sẻ tri thức của nhân viên Sacombank	2	X	Kinh tế và Dự báo ISSN: 0866-7120			Số 23; 33-36	09/2016
34	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự gắn kết của nhân viên kho bạc nhà nước thành phố Hồ Chí Minh	1	X	Tài chính ISSN: 005-56		4	Kỳ 1 (642); 91-92	10/2016

35	Các yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của nhân viên PGBank	1	X	Tài chính ISSN: 005-56			Kỳ 2 (669); 45-47	11/2017
36	Tạo động lực làm việc cho giảng viên các trường đại học	1	X	Tài chính ISSN: 2615-8973			Kỳ 2 (685); 88-89	07/2018
37	Giải pháp nâng cao hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty TNHH Novaglory	2		Tài chính ISSN: 2615-8973			Kỳ 2; 65-67	10/2018
38	Phân tích các nhân tố tác động đến chất lượng dịch vụ bán lẻ xăng dầu tại Công ty Cổ phần thương mại Hóc Môn	2	X	Công thương ISSN: 0866-7756			Số 444 160- 166	3/2019
39	Yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua thực phẩm của khách hàng tại Co.op mart TP. Hồ Chí Minh	2	X	Tài chính ISSN: 2615-8973			Kỳ 1 (730); 147- 149	06/2020
40	Đánh giá sự hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ Internet của VNPT Vĩnh Long	2	X	Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương ISSN: 0868-3808			Số 574; 37-39	10/2020
41	Nghiên cứu khám phá tác động của các nhân tố lập luận đạo đức đến thái độ và ý định hành vi mua của người tiêu dùng hàng nhái tại Việt Nam	2	X	Khoa học Thương mại ISSN: 1859-3666			Số 151; 42-49	3/2021
42	Tính “Cool” của sản phẩm thời trang: nghiên cứu thực nghiệm về nguyên nhân và	3		Nghiên cứu Kinh tế ISSN: 0866-7489			Số 12 (511)	12/2020

	kết quả						68-78	
43	Các động lực nội tại ảnh hưởng đến hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên các trường đại học tại thành phố Hồ Chí Minh	1	X	Kinh tế và Phát triển ISSN: 0859-0012			Số 286; 78-87	4/2021
44	Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định thuê văn phòng của khách hàng tại các quận khu vực trung tâm TP. Hồ Chí Minh	2	X	Kinh tế và Dự báo ISSN: 1859-4972			Số 09; 113-116	03/2022
45	Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực kỹ thuật tại VNPT Đồng Tháp	2	X	Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương ISSN: 0868-3808			Số 618; 64-66	9/2022
46	Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định chia sẻ tri thức của giảng viên đại học tại thành phố Hồ Chí Minh	1	X	Tạp chí Kinh tế và Dự báo ISSN: 1859-4972			Số 27; 59-62	9/2023
47	Tác động của phong cách lãnh đạo đến kết quả làm việc của nhân viên các ngân hàng thương mại cổ phần trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	2	X	Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương ISSN: 0868-3808			Số cuối tháng 4/2024 4; 102-104	4/2024
B	Các bài báo đăng trên tạp chí quốc tế							
B1	Hướng nghiên cứu 1: Nghiên cứu về nhân lực và tăng trưởng kinh tế							
48	The Relationship between Innovation Capability and Firm's Performance in Electronic Companies, Vietnan	2	X	Journal of Asian Finance, Economics and Business Print ISSN: 2288-4637 Online ISSN:	Scopus Q4 (Từ 2021 đã ra khỏi danh mục	78	Vol 6. No3 297-306	2019

				2288-4645 doi:10.13106/jafeb	Scopus)			
49	Examining the Relationship between Electricity Consumption, Financial Development and Economic Growth in ASEAN Countries: Evidence from a Bayesian Analysis	1	X	International Journal of Energy Economics and Policy ISSN: 2146-4553 DOI: https://doi.org/10.32479/ijeep.10642	Scopus Q2 (Từ 2023 ra khỏi Scopus)	7	11(2), 49-56	2021
50	A time-varying analysis between economic uncertainty and tourism development in Singapore	3		Plos One https://doi.org/10.1371/journal.pone.0302980	Scopus Q1		e030298	5/2024
B2	Hướng nghiên cứu 2: Nghiên cứu về hành vi trong kinh doanh							
51	Factors affecting the buying decision of automobile lubricant in Viet Nam	3		Global and Stochastic Analysis		17	Vol 5, Special Issue 138-150	2018
52	Negative Emotions and Coping Behaviors of Passenger in the Airline Industry, Vietnam	1	X	Print ISSN 2288-4637 / Online ISSN: 2288-4645 DOI:10.13106/jafeb.2020.vol7.no10.865	Scopus Q4	15	Vol7. No10. 865-874	2020
53	Current status of scientific research at universities in Viet Nam	1	X	International Journal of Economics, Business and Management Research ISSN: 2456-7760			Vol. 5; p.351-361	7/2021

54	Impulse Buying Behavior of Generation Z customers in Social Commerce: Flow Theory Approach	2	X	Journal of Logistics, Informatics and Service Science ISSN: 2409-2665 DOI:10.33168/LISS.2022.0413	Scopus Q4	6	Vol. 9 (2022) No.4, pp.197-208	2022
55	Intention to apply rehabilitation exercises to patients in healthcare facilities in Viet Nam	4	Tác giả liên hệ	International Journal of Advanced and Applied Sciences https://doi.org/10.21833/ijaas.2023.06.010	Scopus Q4		Pages: 80-88	2023
56	Exploring the role of knowledge management capacity on SMEs' digital transformation intentions: Intergrating signaling theory and the technology acceptance model	2	X	Journal of Economics and Development ISSN 1859-0020			Vol 26; Special Issue No1. P48-62	2024
57	The impact of review and rating on customer experience in electronic marketplaces	2	X	Business Management ISSN 0861-6604 https://bm.univishtov.bg/title.asp?title=2983	Scopus Q4		6-20	4/2024
C	Các bài tham luận đăng trên các hội thảo							
C1	Hướng nghiên cứu 1: Nghiên cứu về nhân lực và tăng trưởng kinh tế							
58	The impact of foreign direct investment and urbanization on economic growth: Role of the optimal inflation rate.	1		Proceedings The Second International Conference On The Finance – Accounting For			322-327	2020

			X	Promoting Sustainable Development In Private Sector (Fasps 2020) ISBN: 978-604-79-2601-5 Finace Publishing house				
59	Kinh tế tuần hoàn hướng tới phát triển bền vững ở Việt Nam	1	X	Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam: Những vấn đề lý luận và thực tiễn. Nxb Khoa học kỹ thuật. ISBN: 978-604-67-272-7.			195-200	2023
C2 <i>Hướng nghiên cứu 2: Nghiên cứu về hành vi trong kinh doanh</i>								
60	Talent management practices and employees' turnover intention in public sectors: A case study of autonomous universities	3		"The 5 th international coference on economics, business and tourism" International University ISBN: 978-604-73-9144-8 VNU-HCM PRESS			1-30	6/2022

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: **06 bài**

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo	Số tác	Là tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của	Tập, số, trang	Tháng, năm công
----	---------------------	--------	------------	------------------------------	-----------------------------------	----------------	-----------------

	KH	giả	chính	học/ISSN hoặc ISBN	ngành		bố
I	Trước khi được công nhận TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả

1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:
.....

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Tự đánh giá trình độ đào tạo bậc cử nhân ngành Quản trị kinh doanh tổng hợp theo Kế hoạch số 244/KH-ĐHTCM-HĐTĐG-CTĐT ngày 10/3/2020	Tham gia	QĐ số 297/QĐ-ĐHTCM ngày 10/3/2020 và QĐ số 1973/QĐ-ĐHTCM ngày 12/10/2020	Trường Đại học Tài chính – Marketing	Thông báo Kết luận của Hiệu trưởng 1511/TB-ĐHTCM ngày 20/10/2020	
2	Xây dựng chương trình đào tạo Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng trình độ đại học chính quy	Tham gia	QĐ số 2905/QĐ-ĐHNH ngày 13/10/2023	Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh	Quyết định Số 191/QĐ-ĐHNH ngày 18/01/2024.	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*: Không

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV ☐ chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

.....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; ☐ 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 6 năm 2024

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Cảnh Chí Hoàng